

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2022/DS-ST
Ngày: 03-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân;
2. Ông Võ Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng QT

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà ST – 111A P, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Đ – Ông Nguyễn Trí M – Ông Bùi Quốc K.

Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, Số 26 Đường UVK, Phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 22/02/2022)

(Ông M có mặt; ông Đ, ông Kh vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc P – Sinh năm 1990

Địa chỉ: 4/5B Tổ 3, Ấp 1, xã NĐ, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trí M trình bày:

Ngày 03/8/2018, ông Nguyễn Ngọc P ký với Ngân hàng QT (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 1330/HĐTD-VIB601/18 để vay số tiền 740.000.000 đồng. Mục đích vay là để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford loại Ranger, biển số 51D-330.09.

Giải ngân ngày: 03/8/2018. Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày 04/8/2018 đến ngày 03/8/2026. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,39 %/năm chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Trong suốt thời hiệu lực của Hợp đồng tín dụng này, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ bản theo sản phẩm theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,99%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Vốn vay: trả vào ngày 03 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 03/9/2018. Số tiền gốc hoàn trả hàng tháng là 7.708.333 đồng.

Thực hiện hợp đồng, ông P đã nhận đủ số tiền 740.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1330/KUNN-VIB601/18 ngày 03/8/2018. Quá trình vay, ông P đã trả cho Ngân hàng số tiền 67.506.982 đồng trong đó nợ gốc là 38.853.923 đồng, tiền lãi là 28.653.059 đồng. Kể từ ngày 11/02/2019 đến nay ông Nguyễn Ngọc P đã không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 03/6/2022, ông Nguyễn Ngọc P còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 1.142.623.030 đồng trong đó: Nợ gốc là: 701.146.077 đồng và nợ lãi 441.476.953 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Ngọc P thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 1.142.623.030 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1330/HĐTD-VIB601/18 ký ngày 03/8/2018 từ ngày 04/6/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Về phương thức trả nợ: Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Ngọc P trả toàn bộ số tiền còn nợ làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Ngọc P là bị đơn đến Tòa án để làm việc và giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Ngọc P vẫn không có mặt mà không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã

đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc P là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc là 701.146.077 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 1330/HĐTD-VIB601/18 ngày 03/8/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1330/KUNN-VIB601/18 ngày 03/8/2018 có đủ cơ sở kết luận ông Nguyễn Ngọc P có vay của Ngân hàng số tiền 740.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng. Lãi suất tại thời điểm cho vay là 9,39%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và tiếp tục thay đổi trong các trường hợp theo quy định tại hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng và Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Thực hiện hợp đồng, ông P đã nhận đủ số tiền 740.000.000 đồng và đã trả cho Ngân hàng số tiền 67.506.982 đồng trong đó nợ gốc là 38.853.923 đồng, tiền lãi là 28.653.059 đồng.

Kể từ ngày 11/02/2019 đến nay ông Nguyễn Ngọc P đã không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Việc ông P không tiếp tục thanh toán tiền cho nguyên đơn

là đã vi phạm các quy định trong thỏa thuận cho vay được các bên ký kết tại hợp đồng tín dụng.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Trong trường hợp này, ông Nguyễn Ngọc P là bên đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng.

Theo quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả số tiền nợ gốc là 701.146.077 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ số tiền lãi tính đến ngày 03/6/2022 là 441.476.953 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1330/HĐTD-VIB601/18 ký ngày 03/8/2018 từ ngày 04/6/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Hội đồng xét xử xét:

Theo Hợp đồng tín dụng 1330/HĐTD-VIB601/18 ký ngày 03/8/2018 thì giữa ông P và Ngân hàng đã thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Như vậy, theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông P đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng nghĩa là ông P mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi được quy định trong hợp đồng và phải chịu các nghĩa vụ thanh toán khác của Ngân hàng.

Trong quá trình vay ông P đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo quy định trong hợp đồng nên ông P phải chịu lãi theo quy định. Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.” Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 03/6/2022 là 441.476.953 đồng trong đó nợ lãi trong hạn là 7.458.475 đồng, nợ lãi quá hạn là 434.018.478 đồng và ông P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi ông P trả hết nợ là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Ngọc P phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tính đến ngày 03/6/2022 là 1.142.623.030 đồng trong đó: Nợ gốc là: 701.146.077 đồng và nợ lãi 441.476.953 đồng và tiếp tục trả tiền lãi

phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

[2.3] Về phương thức trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào Bảng chi tiết tính lãi khách hàng thì ông Nguyễn Ngọc P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 11/02/2019 đến nay. Như vậy, ông P đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng trong một thời gian dài.

Hợp đồng dân sự là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, việc ông Nguyễn Ngọc P không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn do đó việc nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc P phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng và Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả cho Ngân hàng QT số tiền tính đến ngày 03/6/2022 là 1.142.623.030 đồng trong đó: Nợ gốc là: 701.146.077 đồng, nợ lãi

trong hạn là 7.458.475 đồng, nợ lãi quá hạn là 434.018.478 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1330/HĐTD-VIB601/18 ký ngày 03/8/2018. Phương thức thanh toán trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc P có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/6/2022 theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm là 46.278.691 đồng ông Nguyễn Ngọc P phải nộp.

Trả lại cho Ngân hàng QT toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.701.264 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0073546 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TP HCM;
- VKSND Huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên